|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ quan, đơn vị báo cáo**  Số: /BC-........... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Nghi Xuân, ngày tháng năm 2021* |

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai TSTN hằng**

**năm và kê khai TSTN bổ sung năm 2021.**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân;

- Thanh tra huyện Nghi Xuân.

Thực hiện Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2021 của UBND huyện triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập hằng năm, bổ sung năm 202, ........................ báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện

- Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kê khai TSTN;

- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

2. Kết quả thực hiện

- Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | NỘI DUNG | ĐV | SỐ LIỆU |
| A | Kê khai tài sản, thu nhập |  |  |
| I | **Kê khai tài sản thu nhập hằng năm** |  |  |
| 1 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập | CQTCĐV |  |
|  | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % |  |
| 2 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này | CQTCĐV |  |
|  | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % |  |
| 3 | Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm | Người |  |
| 4 | Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm | Người |  |
| II | Kê khai tài sản thu nhập bổ sung |  |  |
| 1 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập | CQTCĐV |  |
|  | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % |  |
| 2 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này | CQTCĐV |  |
|  | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % |  |
| 3 | Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung | Người |  |
| 4 | Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung | Người |  |
| B | Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập |  |  |
| 1 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQTCĐV |  |
|  | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % |  |
| 2 | Số cơ quan, tồ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này | CQTCĐV |  |
|  | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % |  |
| 3 | Số bản kê khai đã được công khai | Bản KK |  |
|  | tỷ lệ ....% so với tổng số bản kê khai | % |  |
| 4 | Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết | Bản KK |  |
|  | tỷ lệ ....% so với số bản kê khai đã công khai | % |  |
| 5 | Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp | Bản KK |  |
|  | tỷ lệ ....% so với số bản kê khai đã công khai | % |  |

*Lưu ý:* Các đơn vị, địa phương báo cáo số liệu thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra tỉnh.

- Kết quả khác (nếu có).

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp để chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.

- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.

- Các kiến nghị khác./.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai TSTN hằngnăm và kê khai TSTN bổ sung năm 2021, …….. báo cáo UBND huyện, Thanh tra huyện xem xét, chỉ đạo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - ...........;  - Lưu: VT. | **TM. ..................................** |